TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TĨNH GIA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v:Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĨNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Học

2. Ông Nguyễn Duy Biên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa: Không tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - Sinh năm: 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hoá

2. Bị đơn: Bà Phan Thị H1 - Sinh năm: 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Lê Thị H trình bày:

Chị và bà Phan Thị H1 là người cùng xã và quen biết nhau nên vào ngày 11/8 (âm lịch) tức ngày 30/9/2017, chị đã cho bà Phan Thị H1 vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), hai bên có thỏa thuận bà H1 chỉ vay trong một thời gian ngắn khoảng một vài tháng. Bà H1 đã lập văn bản (viết tay) số tiền đã vay vào ngày 11/8 (âm lịch) tức ngày 30/9/2017. Sau thời gian vài tháng, do cần tiền để sử dụng, chị đã nhiều lần gặp bà H1 để yêu cầu bà H1 trả nợ nhưng bà H1 khất lần và không trả nợ số tiền trên cho chị. Trong biên bản làm việc ngày 20/02/2018 tại Công an huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, bà H1 đã thừa nhận tính đến ngày 09/02/2018 bà còn nợ chị số tiền 300.000.000 đồng,

bà H1 cam kết sẽ trả hết số nợ trên cho chị trước ngày 15/7/2018, nhưng cho đến nay bà H1 vẫn không trả được nợ.

Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị H1 trả nợ cho chị số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Ngoài số tiền nợ gốc nêu trên, chị không yêu cầu bà H1 phải trả số tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 30/7/2019 bị đơn là bà Phan Thị H1 trình bày:

Bà thừa nhận đã vay tiền của chị Lê Thị H và còn nợ chị H số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Số tiền này, bà đã cho người khác vay lại và họ chưa trả nợ cho bà nên bà chưa thanh toán được cho chị H. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người đã vay tiền của bà trả nợ cho bà thì bà mới có tiền để trả nợ cho chị H được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Phan Thị H1 trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị H1 trả nợ số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phan Thị H1 có nơi cư trú tại thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn Phan Thị H1 vắng mặt, nhưng đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 3, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H1.

[2] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền): Xét thấy hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền) đề ngày 11/8 âm lịch (tức ngày 30/9/2017) do nguyên đơn và bị đơn tự nguyện xác lập, nội dung và hình thức phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực đối với các bên.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Các bên đương sự đều thống nhất công nhận số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bị đơn có nợ nguyên đơn 300.000.000 đồng là sự thật. Do đó yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả 300.000.000 đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.2] Về số tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về yêu cầu của bị đơn: Bà H1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người đã vay tiền của bà trả nợ cho bà thì bà mới có tiền để trả nợ cho chị H. Xét thấy, đây không phải ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn, cũng không phải là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà H1 có quyền khởi kiện tại Tòa án yêu cầu những người đã vay tiền của bà trả nợ cho bà bằng một vụ án dân sự khác nếu đủ điều kiện.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đến ngày xét xử vụ án, bà H1 là người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên) nên bà được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Phan Thị H1 phải trả cho chị Lê Thị H số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy đinh khác.

3. Về án phí:

- Chị Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị H 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2017/0004143 ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Phan Thị H1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị H, vắng mặt bà H1. Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
-VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bắc